

Số: 389/2019/QĐST-HNGĐ

Long Thành, ngày 01 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Điều 212, 213, 361, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 118, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

Căn cứ Điều 357 và 468 Bộ luật Dân Sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ L số: 552/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị **Đoàn Thị L**, sinh năm 1979.

Trú tại: Số 1240, tổ 7, ấp T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh **Phạm Khang N**, sinh năm 1971.

Trú tại: Số 1240, tổ 7, ấp Tân Mai 2, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số 84/9, hẻm 84, đường L, khu B, xã An, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 25/6/2019 chị Đoàn Thị L có nộp đơn xin ly hôn đối với anh Phạm Khang N tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Ngày 24/7/2019 Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng các đương sự không đồng ý đoàn tụ mà thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị L và anh Phạm Khang N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Trung K, sinh ngày 01/5/1999 (đã trưởng thành); Phạm Như N, sinh ngày 10/3/2003; Phạm Ngọc Ái V, sinh ngày 31/10/2012. Chị L và anh N thỏa thuận giao cháu N và V cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu V mỗi tháng 10.000.000 đồng (mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị L và anh Phạm Khang N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Trung K, sinh ngày 01/5/1999 (đã trưởng thành); Phạm Như N, sinh ngày 10/3/2003; Phạm Ngọc Ái V, sinh ngày 31/10/2012. Giao cháu N và cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu V mỗi tháng 10.000.000 đồng (mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng).

Anh N có quyền đến thăm con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đoàn Thị L và anh Phạm Khang N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 005316 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị L và anh N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND H.Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Tân (GCNKH số 20 ngày 11/4/1998);
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thanh Liêm